

Âm nhạc dân tộc Việt

Trần Quang Hải, PK61

Trong âm nhạc Việt Nam không phải chỉ có một số giai điệu có sẵn rồi người đời sau chỉ đặt lời để làm thành một bài nhạc mới .

Truyền thống dân ca Quan Họ ở tỉnh Bắc Ninh (cách Hà nội vài mươi cây số) từ ngàn xưa tới nay cho thấy một sự phong phú về sáng tác bài bản sau mỗi kỳ tranh tài vì theo truyền thống này phải sáng tác bài mới để mới có hy vọng thắng giải sau một cuộc thi hát . Do đó , từ một số bài cổ , số bài mới đã lên tới gần 1.000 bài . Viện âm nhạc Hà nội đã xuất bản cách đây hai năm một quyển sách ghi thành nốt nhạc cả mấy trăm bài cho thấy sự phong phú và óc sáng tạo của người dân quê . Ngoài ra Viện âm nhạc Hà nội đã tàng trữ gần cả 100.000 bài hát dân gian thu vào băng nhựa từ hơn 40 năm và trong tương lai rất gần có thể nghe được qua hệ thống xếp loại vi tính (data base).

Trong dân ca có rất nhiều điệu Lý, Hồ (cả mấy trăm điệu tùy theo vùng , địa phương rải rác khắp Bắc Trung Nam) . Nhiều quyển sách về Lý và Hồ đã được nhà nghiên cứu Lư Nhất Vũ viết thành sách .

Trong cổ nhạc miền Nam , còn được gọi là đàn tài tử, trong vòng hơn 100 năm , từ một số bài bản cố định của Ca Huế đưa vào Nam , số bài bản đã tăng thật nhanh . Ngay trong cái lương , bài bản đã được sáng tác theo các loại tuồng : tuồng tàu, tuồng la mã, tuồng Nhựt, tuồng Ấn, tuồng xã hội, tuồng kiếm hiệp, tuồng hồ quảng , vv... Tính ra cũng hơn 100 bài được viết ra trong thế kỷ 20 . Đặc biệt là bản Vọng cổ là một sáng tác đặc thù của miền Nam . Từ bài « Dạ cổ hoài lang » nhịp 2 do ông Sáu Lầu viết ra vào năm 1918 đã được biến chế ra nhịp 4, rồi nhịp 8, 16 (do cố nghệ sĩ Năm Nghĩa hát trong thập niên 30) , 32 (do cố nghệ sĩ Út Trà Ôn được mệnh danh là vua Vọng cổ trình bày đầu thập niên 50) .Sau này có một số nghệ sĩ thử nhịp 64, 128 nhưng không mấy được quần chúng ưa thích .

Nếu muốn sáng tác một ca khúc tân nhạc vẫn mang màu sắc dân tộc và đừng bị nhạc Tây phương hay nhạc Á châu khác ảnh hưởng tới thì điều trước tiên là người viết nhạc phải có một căn bản vững chắc về nhạc cổ dân tộc và phải am tường các thang âm điệu thức Việt Nam . Phải có số vốn căn bản đó thì mới có thể tránh khỏi bị rơi vào thế giới nhạc ngoại

Nắm vững thang âm điệu thức là như thế nào ?

Trong thang âm Việt Nam hoàn toàn chỉ có ngũ cung (5 nốt nhạc trong một bát độ)

Có 5 thang âm không bán cung căn bản :

1. Do – Re – Mi- Sol – La – Do
2. Do – Re – Fa – Sol – La – Do
3. Do – Re – Fa – Sol – Sib – Do
4. Do – Mib – Fa – Sol – Sib – Do
5. Do – Mib – Fa – Lab – Sib – Do

Ngoài ra còn có những thang âm đặc thù như thang âm vọng cổ

Do – Mi b+ - Fa – Sol – La – Do

Thang âm Sa Mạc

Do – Mib+ - Fa – Sol – Sib – Do

Trong nhạc sắc tộc Gia Rai , Ba-Na vùng Cao nguyên Trung phần có một thang âm ngũ cung có bán cung

Do – Mi – Fa – Sol – Si – Do

Về điệu thức phải biết rõ thế nào là điệu Bắc, điệu Nam , các hơi Xuân, Đảo, Ai, Oán, Nhạc , vv...để diễn tả những lúc vui, buồn, sầu muộn, đau đớn, thư thái , vv...

Rồi phải biết thêm về chuyển hệ như thế nào , tức là phối hợp hai thang âm ngũ cung trong một bài nhạc để làm cho dòng nhạc thêm khởi sắc mà không lạc vào nhạc Tây phương .

Điều cốt phải nhớ là muốn hấp thụ tất cả những điểm nêu trên đây là phải nghe nhạc dân tộc thật nhiều . Càng nghe nhiều thì các giai điệu cổ truyền mới bắt đầu thấm vào người, nhập vào huyết quản , thì lúc đó sáng tác nhạc mới có màu sắc nhạc dân tộc rất dễ dàng .

Một số nhạc phẩm của Phạm Duy thoát từ dân ca như các ca khúc trong “Con Đường Cái Quan”, các bản “Em Bé Quê”, “Vợ Chồng Quê”, “Bà Mẹ Quê” , “Tình Ca”, “Ngày Trở Về”, vv.. các nhạc phẩm của Xuân Lôì Xuân Tiên như “Khúc Hát Ân Tình” (hay còn gọi là “Tình Bắc Duyên Nam”), của Trịnh Hưng như “Lối Về Xóm Nhỏ”, “Em Yêu”, ba bài nhạc “Hòn Vọng Phu” của Lê Thương , “Ai Ra Xứ Huế” của Duy Khánh, vv....GS TS Trần Văn Khê đã phổ nhạc trên bài thơ “Đi Chơi Chùa Hương” của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp hoàn toàn dựa trên thang âm ngũ cung .

Vài dòng giải thích làm cách nào có thể viết một bài nhạc không bị lai căng.

Trần Quang Hải

- Đặc San Việt Học giới thiệu đôi dòng về giáo sư kiêm nhạc sĩ Trần Quang Hải:

Trần Quang Hải, sinh ngày 13 tháng 5, 1944 tại làng Linh Đông Xã, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, Việt Nam, trong một gia đình năm đời nhạc sĩ cổ truyền Việt Nam, tốt nghiệp trường Quốc gia âm nhạc Saigon năm 1961. Sang Pháp học nhạc học (musicology) tại trường đại học Sorbonne, dân tộc nhạc học (ethnomusicology) tại trường cao đẳng khoa học xã hội (School of Studies in Social Sciences, Paris). Đạu tiến sĩ dân tộc nhạc học năm 1973.

Bắt đầu làm việc nghiên cứu tại Viện Bảo Tàng Con Người (Musée de l'Homme, Paris) từ 1968. Ngoài sự nghiên cứu về kỹ thuật hát đồng song thanh (overtone singing) từ 1969, Trần Quang Hải đã trình diễn trên 3000 buổi tại 60 quốc gia trên thế giới, giảng dạy về nhạc Á châu tại hơn 100 trường đại học. Đã viết cho 30 tờ báo Việt ở hải ngoại từ

1975, viết cho nhiều tự điển nhạc như New Grove Dictionary of Music and Musicians (Anh quốc, 1980 và tái bản năm 2001), Algemene Muziekencyclopedia (Hà Lan, 1984), và nhiều báo chuyên về âm nhạc như Journal of Ethnomusicology (Hoa kỳ), Journal of Asian Music (Hoa kỳ), The World of Music (Đức), Koukin Journal (Nhật), Cahiers de Musiques Traditionnelles (Thụy Sĩ). Đã thực hiện 15 đĩa 33 vòng và 8 CD về nhạc Việt Nam từ 1971 ở Pháp, Ý và Hoa kỳ, 6 phim video về nhạc Việt và hát đồng song thanh, 1 phim 16ly The Song of Harmonics được 4 giải thưởng quốc tế, 30 giải thưởng cho công trình nghiên cứu nhạc Việt, Á Châu và hát đồng song thanh.